

GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công bố thông tin hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu)

Kính gửi: - UBND tỉnh Ninh Thuận
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Cục Phát triển doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Mã số doanh nghiệp: 4500135981

Địa chỉ liên lạc: 0683.830155

Điện thoại : 0683.830155 .Fax:0683.822708 .Email: xosoninhthuan@yahoo.com

Website: xosoninhthuan.com.vn

Sau đây chứng nhận: Ông Vũ Đức Kim

Điện thoại liên hệ: 0913882276 Email: duckim@ninhthuan.org.vn

Chức vụ tại doanh nghiệp: Phó Giám đốc

Là người được Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận ủy quyền làm “Người công bố thông tin” của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công bố thông tin hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

**Người đại diện theo pháp luật
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Khoa Hào

Ninh Thuận, ngày 04 tháng 11 năm 2015

THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

STT	Họ và tên	Chức danh		Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
		Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)			
I. Chủ tịch công ty						
1	Nguyễn Khoa Hào	Chủ tịch kiêm Giám đốc		Đại học tài chính	14 năm là Phó Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, 07 năm là Giám đốc tại Công ty. Từ 4/2015 là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty	Phó Cục trưởng tỉnh, Giám đốc, Chủ tịch kiêm Giám đốc
II. Phó Giám đốc						
2	Vũ Đức Kim	Phó Giám đốc		Đại học tài chính	03 năm là Phó phòng phụ trách phòng kế hoạch - phát hành, 07 năm là Trưởng phòng kế hoạch - phát hành tại Công ty. Từ 06/2010 đến nay là Phó Giám đốc Công ty	Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng, Phó Giám đốc
3	Huỳnh Thị Dước	Phó Giám đốc		Đại học quản trị kinh doanh	16 năm làm công tác kế toán tại các cơ quan, 04 năm là Phó phòng Hành chính – Kinh doanh tại Công ty đường sắt Sài Gòn, 02 năm là Phó phòng Hành chính – Quản Trị, 02 năm là Trưởng phòng Tổ chức – Lao động tại Công	Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng, Phó Giám đốc

					ty. Từ 04/2014 đến nay là Phó Giám đốc Công ty	
III. Kế toán trưởng						
4	Tăng Nguyên Nam	Kế toán trưởng		Đại học tài chính	07 năm là nhân viên kế toán các Công ty, 04 năm là Phó phòng Kế toán – Tài Vụ tại Công ty. Từ 04/2014 đến nay là Kế toán trưởng Công ty	Phó phòng, Kế toán trưởng
IV. Ban kiểm soát						
5	Trần Thị Thanh Thủy	KSV phụ trách		Đại học tài chính kế toán	03 năm là Phó phòng phụ trách phòng Trả thưởng, 06 năm là Trưởng phòng Trả thưởng tại Công ty. Từ 04/2014 đến nay là Kiểm soát viên phụ trách Công ty	Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng, KSV Phụ trách
6	Trần Thị Phương	KSV kiêm nhiệm	Chánh Thanh tra Sở Tài chính tỉnh	Đại học	04 năm là Phó chánh Văn phòng UBND TP. PRTC, 04 năm là Chánh Văn phòng UBND TP. PRTC, từ 01/01/2008 đến nay là Chánh Thanh tra Sở Tài chính. Là Kiểm soát viên kiêm nhiệm tại Công ty từ 2009 đến nay	Phó chánh Văn phòng, Chánh Văn phòng, Chánh thanh tra Sở TC, KSV kiêm nhiệm



KIỂM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Đức Kim

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2016-2020

TT	CHỈ TIÊU	Đơn Vị tính	Năm 2016-2020				
			Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8
A	Chỉ tiêu sản lượng	vé					
1	Sản lượng sản xuất, dịch vụ, cung cấp		108.000.000	108.000.000	108.000.000	108.000.000	108.000.000
2	Sản lượng tiêu thụ, dịch vụ hoàn thành		26.000.000	26.300.000	26.500.000	26.700.000	27.000.000
a	Nội địa						
b	Xuất khẩu						
B	Chỉ tiêu tài chính chủ yếu	tỷ					
I	Chỉ tiêu về sản xuất, kinh doanh						
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác		203	209	211	213	215
4	Tổng chi phí (gồm giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí khác)		176	181	182	183	185
5	Lãi, lỗ		27	28	29	30	30
6	Các khoản phải nộp phát sinh						
a	Thuế các loại		63	65	67	68	69
	Thuế GTGT		22	22,5	23	23	24
	Thuế TNDN		5,9	6	6	6	6
	Thuế		36,1	38,0	40,0	41,0	44
b	Các khoản phải nộp khác						
7	Giá thành sản xuất sản phẩm, dịch vụ chủ yếu.						
8	Giá bán bình quân sản phẩm, dịch vụ chủ yếu	đồng	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
	Trong đó:						
a	Giá bán bq trong nước	đồng	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
b	Giá bán bq xuất khẩu						
II	Nguồn vốn kinh doanh	tỷ					
9	Vốn chủ sở hữu		50	50	50	50	50
	Trong đó:						
a	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50	50	50	50	50
b	Quỹ đầu tư phát triển						
c	Nguồn vốn đầu tư XDCB						

TT	CHỈ TIÊU	Đơn Vị tính	Năm 2016-2020				
			Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8
d	Nguồn vốn khác của chủ sở hữu						
10	Vốn điều lệ được phê duyệt		50	50	50	50	50
11	Nguồn bổ sung vốn điều lệ						
	Trong đó:						
a	Quỹ đầu tư phát triển						
b	Nguồn khác.....						
III	Huy động vốn						
12	Tổng mức huy động						
	Trong đó:						
a	Phát hành trái phiếu						
	Trong nước						
	Ngoài nước						
b	Vay các tổ chức tín dụng						
	Trong nước						
	Ngoài nước						
c	Huy động khác						
13	Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu		2,11	2,11	2,11	2,11	2,11
IV	Đầu tư và chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài	tỷ					
14	Đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính						
	Trong đó:						
a	Đầu tư vào công ty con						
b	Đầu tư vào công ty liên kết						
c	Đầu tư tài chính khác						
15	Đầu tư vào ngành nghề khác						
	Trong đó:						
a	Đầu tư vào công ty con						
b	Đầu tư vào công ty liên kết						
c	Đầu tư tài chính khác						
16	Chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài						
	Trong đó:						
a	Tại công ty con						
b	Tại công ty liên kết						
c	Chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính khác						
V	Thu nhập của người lao động và người quản lý doanh nghiệp						

TT	CHỈ TIÊU	Đơn Vị tính	Năm 2016-2020				
			Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8
17	Tổng số lao động thực tế sử dụng	người	64	65	65	67	68
18	Tổng quỹ lương của người lao động	triệu	8.000	8.200	8.400	8.500	8.600
19	Tiền lương bq của người lao động (đồng/ người/ tháng)	triệu	10	10,5	11	10,5	10,5
20	Thu nhập bình quân của người lao động (đồng / người/tháng)	triệu	11	12	12	13	13
21	Số lượng người quản lý doanh nghiệp		6	6	6	6	6
22	Tổng quỹ lương, thù lao của người quản lý doanh nghiệp	triệu	2.520	2.520	2.520	2.520	2.600
VI	Các khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp						
	Trong đó:						
a	Trợ giá						
b	Các khoản hỗ trợ khác						

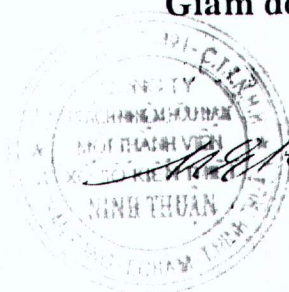
Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hiếu

Trần Thị Thanh Hiếu

Ninh Thuận, ngày 12 tháng 11 năm 2014

Giám đốc



Nguyễn Khoa Hòa

Ninh Thuận, ngày 04 tháng 11 năm 2015

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2015

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất			
1.1	Vé xổ số truyền thống	vé	104.000.000	108.000.000
1.2				
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	190,39	193,3
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	13,84	14,5
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng		65
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD		
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)			
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng	48,6	50
7.1	- Nguồn ngân sách	"	48,6	50
7.2	- Vốn vay	"		
7.3	- Vốn khác	"		
8	Tổng lao động	Người	59	62
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	9,357	10,285
9.1	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,826	2,304
9.2	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	7,421	7,906



Vũ Đức Kim

Ninh Thuận, ngày 04 tháng 11 năm 2015

**THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY,
KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC.**

STT	Họ và tên	Chức danh		Tiền lương	Thưởng và các khoản lợi ích	Thù lao ngoài giờ
		Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)			
I. Chủ tịch công ty						
1	Nguyễn Khoa Hào	Chủ tịch kiêm Giám đốc		369.572.787	119.229.530	13.358.567
II. Phó Giám đốc						
2	Vũ Đức Kim	Phó Giám đốc		293.727.616	82.418.556	10.418.556
3	Huỳnh Thị Dưóc	Phó Giám đốc		140.598.565	1.500.000	1.1512.787
III. Kế toán trưởng						
4	Tăng Nguyên Nam	Kế toán trưởng		139.396.145	14.714.835	6.971.225
IV. Ban kiểm soát						
5	Trần Thị Thanh Thủy	KSV phụ trách		151.200.000	1.500.000	6.971.225
6	Trần Thị Phương	KSV kiêm nhiệm	Chánh Thanh tra Sở Tài chính tỉnh		24.216.640	36.960.000


KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Vũ Đức Kim

Ninh Thuận, ngày 04 tháng 11 năm 2015

BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014		Năm 2015
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Hạng công ty được xếp		II	II	II
II	Tiền lương của lao động				
1	Lao động	Người	56	54	56
2	Mức tiền lương bình quân	1.000đ/tháng	3.305	3.336	3.318
3	Quỹ tiền lương kế hoạch	Tr.đồng	8.425		7.906
4	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr.đồng		7.421	
5	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng		1.038	
6	Thu nhập bình quân	1.000đ/tháng	12.537	13.054	11.765
III	Tiền lương của quản lý				
III.1	Viên chức quản lý chuyên trách				
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	6	5	6
2	Mức lương cơ bản bình quân	Tr. đồng/tháng	21,33	23,45	21,33
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	2.110	1.826	2.304
4	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/tháng	29,3	30,4	32,0
III.2	Viên chức quản lý không chuyên trách				
1	Số người quản lý	Người	2	2	1
2	Tỷ lệ thù lao so với tiền lương	%	20	14,38	20
3	Quỹ thù lao	Tr.đồng	111	110	75,6
4	Mức thù lao bình quân	Tr.đồng/tháng	4,6	4,6	6,3
III.3	Tiền thưởng, thu nhập				
1	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng		309	
2	Thu nhập bình quân Viên chức quản lý chuyên trách	Tr.đồng/tháng	29,3	34,05	32,0
2	Thu nhập bình quân Viên chức quản lý không chuyên trách	Tr.đồng/tháng	4,6	12,0	6,3



K.T. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Đức Kim

Ninh Thuận, ngày 04 tháng 11 năm 2015

**CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH NINH THUẬN ĐỐI VỚI
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN**

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
01	577/QĐ- UBND	26/3/2014	QĐ bổ nhiệm kiểm soát viên Công ty TNHH MTV XSKT Ninh Thuận
02	1052/QĐ- UBND	04/6/2014	QĐ v/v công bố kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và xếp loại VCQL DNNN năm 2013
03	241/QĐ-UBND	07/7/2014	QĐ Ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV XSKT Ninh Thuận
04	316/QĐ-UBND	24/9/2014	QĐ về việc mức vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV XSKT Ninh Thuận
05	71/2014/QĐ-UBND	24/9/2014	QĐ phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV XSKT Ninh Thuận
06	72/2014/QĐ-UBND	24/9/2014	QĐ Ban hành quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn NN đầu tư vào DN trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận
07	1813/QĐ-UBND	20/8/2015	QĐ công bố kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của DNNN và xếp loại VCQL DNNN năm 2014

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Đức Kim

Ninh Thuận, ngày 04 tháng 11 năm 2015

THỐNG KÊ CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
01	29/QĐ-XSKT	10/4/2015	QĐ v/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy định quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ hoạt động kinh doanh
02	47/QĐ-XSKT	26/5/2015	QĐ Ban hành Quy định về phân phối tiền thưởng của các cấp cho Công ty TNHH MTV XSKT NT
03	57/QĐ-XSKT	10/7/2015	Quyết định v/v bổ nhiệm lại ông Vũ Đức Kim giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV XSKT Ninh Thuận
04	68/QĐ-XSKT	14/8/2015	QĐ v/v Phê duyệt kế hoạch tài chính (điều chỉnh) năm 2015 của Công ty TNHH MTV XSKT Ninh Thuận
05	91/QĐ-XSKT	22/10/2015	QĐ v/v phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, lập và sử dụng các quỹ, bổ sung vốn điều lệ năm 2014 của Công ty TNHH MTV XSKT NT



K.T. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Đức Kim

Ninh Thuận, ngày 04 tháng 11 năm 2015

THỐNG KÊ CÁC BÁO CÁO CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

Stt	Số Báo cáo	Ngày	Nội dung
01	03/KSV-XSKT	16/01/2015	Báo cáo thẩm định quỹ lương thực hiện năm 2014 của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận
02	04/BC-XSKT	26/01/2015	Báo cáo hoạt động kiểm soát viên năm 2014. Phương hướng nhiệm vụ năm 2015
03	05/Ctr-KSV-XSKT	28/01/2015	Chương trình hoạt động của Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận
04	09/BC-KSV	02/4/2015	Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2014 Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận
05	10/BC-KSV	09/4/2015	Báo cáo hoạt động kiểm soát viên quý I/2015
06	12/BC-KSV	07/7/2015	Báo cáo hoạt động kiểm soát viên quý II/2015



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Đức Kim

Ninh Thuận, ngày 04 tháng 11 năm 2015

TÌNH HÌNH SẮP XẾP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP

TT	Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Thoái vốn		Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo								Tỷ lệ Nhà nước dự kiến năm giữ sau sắp xếp, thoái vốn	KH năm tiếp theo	Ghi chú
					CPH						Các hình thức khác				
			Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	Thành lập Ban chỉ đạo	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1	Tên hình thức	Đã có quyết định phê duyệt			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
I	Công ty TNHH MTV XSKT NINH THUẬN			X		X		X					100%	Công ty TNHH MTV XSKT NINH THUẬN	



KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Đức Kim

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

Số: 116/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 2 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp
và xếp loại viên chức quản lý doanh nghiệp nhà nước năm 2014**

Y TNHH XSKT HUÂN

Số: 231

Ngày: 24/8/2015

Nguyên: KT. TV

Luật số số

11 năm 2003;

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính Ninh Thuận tại Tờ trình số 2274/TTr-STC ngày 06 tháng 8 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và xếp loại viên chức quản lý doanh nghiệp nhà nước năm 2014 tỉnh Ninh Thuận như sau (đính kèm Biểu chi tiết):

Số TT	Doanh nghiệp	Xếp loại doanh nghiệp	Xếp loại viên chức quản lý
1	Công ty TNHH một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận	A	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
2	Công ty TNHH một thành viên Xô số Kiến thiết Ninh Thuận	A	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
3	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ninh Sơn	B	Hoàn thành nhiệm vụ.
4	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Tân Tiến	C	Không hoàn thành nhiệm vụ
5	Công ty cổ phần Cấp nước	A	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
6	Công ty cổ phần Công trình đô thị	B	Hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 2. Căn cứ kết quả xếp loại doanh nghiệp nêu tại Điều 1, các nêu trên trích Quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước và thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định; đồng thời có trách nhiệm công bố công khai kết quả xếp loại doanh nghiệp năm 2014 theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Nội vụ; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh; Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Tài chính DN; (báo cáo)
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT. BCĐ ĐM và PTDN tỉnh;
- VPUB: LĐ, TH;
- Lưu: VT.NĐT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Đại

Ninh Thuận, ngày 04 tháng 11 năm 2015

THỐNG KÊ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Stt	Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch
(1)	(2)	(3)	(4)
01	Sở Lao động Thương binh – Xã hội	Tiền Lương	
02	Sở Tài chính	Báo cáo tài chính	
03	Sở Nội Vụ	Báo cáo	
04	UBND tỉnh Ninh Thuận	Báo cáo	
05	Cục thuế tỉnh Ninh Thuận	Báo cáo thuế	
06	Cục Thống kê	Báo cáo thống kê	
07	Sở Kế hoạch – Đầu tư	Báo cáo kinh doanh	
08	Đảng Ủy khối doanh nghiệp	Báo cáo công tác đảng	
09	Công đoàn các khu công nghiệp	Báo cáo công tác đoàn	
10	Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	Đóng góp quỹ vì người nghèo	



Vũ Đức Kim